| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 738/2025/DS-PT
Ngày: 22-9-2025
"V/v tranh chấp về dân sự- Đòi lại tài sản."

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Kiều Kim Xuân;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Tôn;

Ông Phạm Minh Tùng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 năm 2025; ngày 11 tháng 7 năm 2025 và ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLPT- DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc "Tranh chấp về dân sự - Đòi lại tài sản."

Do bản án dân sự sơ thẩm số 282/2024/DS-ST ngày 25-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 0), tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 283/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 367/2025/QĐ-PT ngày 02/6/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 182/2025/QĐPT-DS ngày 20/6/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 32/2025/QĐPT-DS ngày 11/7/2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 437/TB-TA ngày 11/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 554/2025/QĐ-PT ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn**: Anh Võ Văn H, sinh năm 1981;

Là đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T5;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Đường H, Khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn***: Chị Đỗ Thị Mộng T, sinh năm 1977 (vợ anh H);

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp. (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

(Hợp đồng ủy quyền ngày 09/7/2025).

**2. Bị đơn**: Anh Huỳnh Tuấn D, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Nay là phường C, tỉnh An Giang.)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn***: Ông Nguyễn Thành T1 - Luật sư – Công ty L2;

Địa chỉ: Số B, Kênh N, xã Đ, Thành phố Cần Thơ.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

3.1. Chị Đỗ Thị Mộng T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp. (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

**3. Người kháng cáo**: Anh Huỳnh Tuấn D, là bị đơn.

*(Các đương sự, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Võ Văn H (đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T5), trình bày:*

Vào khoảng năm 2017, anh H có nhận anh Huỳnh Tuấn D vào làm công cho anh tại Cửa hàng T5; địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, không có hợp đồng lao động.

Tháng 4/2018, anh H có nhận chuyển nhượng 160m$^2$, Lô S, Khu F thuộc khu dân cư G, giai đoạn 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để anh H mở thêm Chi nhánh Cửa hàng thức ăn gia súc và đặt tên là Hoàng Q; địa chỉ 153-154, Phạm Ngọc T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Anh H có nhờ nhân viên tên Diệp Thanh T3 đại diện đứng tên Hộ kinh doanh tại Cửa hàng T6 theo địa chỉ nêu trên, số giấy phép kinh doanh 50B80002577 cấp ngày 11/5/2018.

Đến đầu năm 2021, anh T3 xin nghỉ việc. Do Huỳnh Tuấn D là nhân viên lâu năm nên anh H tin tưởng, nên anh H cử anh D đến Cửa hàng T6 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để tiếp quản và phụ trách kinh doanh, đồng thời thay đổi

tên người đại diện cửa hàng từ tên Diệp Thanh T3 sang tên Huỳnh Tuấn D để thuận tiện trong việc kinh doanh. Tuy nhiên, Huỳnh Tuấn D không thay đổi người đại diện trên giấy phép kinh doanh mà D làm thủ tục chấm dứt kinh doanh Cửa hàng T6 rồi đăng ký lấy tên là Cửa hàng T5, do D làm đại diện.

Khi D đến làm việc tại huyện T, tỉnh Long An, hàng tháng, anh H vẫn thanh toán lương cho anh D đầy đủ từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/5/2024. Đến ngày 01/5/2024, anh H phát hiện anh D không trung thực nên anh H cho anh D nghỉ việc.

Trong thời gian anh D đứng tên giấy phép kinh doanh và thực hiện việc mua bán tại Cửa hàng T5, địa chỉ số A, Phạm Ngọc T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, anh D có báo cáo đầy đủ đầu vào, đầu ra việc kinh doanh. Trường hợp nếu có khởi kiện đòi tiền khách hàng thì anh H là người đứng đơn khởi kiện. Sau đó, do tin tưởng, anh H có ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng tại Tòa án.

Sau đó, do số lượng người nợ tiền thức ăn thủy sản nhiều, phát sinh nhiều vụ kiện, nên anh D có nói với anh H là ký "giấy chuyển giao quyền khởi kiện" để bổ sung giấy ủy quyền. Anh H tin tưởng, ký vào giấy trên mà không có đọc nội dung. Anh H ký một sắp giấy khoảng 30 tờ, khi ký thì "Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ" không ghi ngày tháng năm. Căn cứ vào "Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ" mà anh H ký, anh D đứng tên Người khởi kiện, khởi kiện nhiều khách hàng thiếu tiền mua thức ăn thủy sản của anh H thuộc huyện T và một số hộ thuộc huyện C. Việc anh D khởi kiện khách hàng của anh H và quá trình giải quyết tại Tòa án, anh H không biết anh D đứng đơn khởi kiện và khách hàng đồng ý trả nợ cho anh D.

Trong các vụ mà anh D đứng tên khởi kiện, có hộ ông Nguyễn Chí T4, bà Hồ Thị L, là khách hàng nợ anh H do mua thức ăn thủy sản của Cửa hàng T5 tại T. Vụ kiện được giải quyết theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quyết định, ông T4, bà L đồng ý trả cho Huỳnh Tuấn D – Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng T5 số tiền 2.041.503.000 đồng. Ông T4, bà L đã nộp số tiền 2.041.503.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0), tỉnh Đồng Tháp. Anh D1 cho rằng tiền này của anh D1 (khách hàng nợ anh D1), nên anh D1 nhận mà không giao lại cho anh H nên phát sinh tranh chấp.

Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nhận số tiền 2.041.503.000 đồng theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành số 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 25/10/2024, bị đơn anh Huỳnh Tuấn D trình bày*:

Anh D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh H về việc được nhận số tiền 2.041.503.000 đồng do ông Nguyễn Chí T4, bà Hồ Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Lý do:

Trước năm 2016, anh D mua bán tạp hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh, có quen biết vợ chồng anh H, chị T (Chủ hộ kinh doanh thức ăn tại huyện T). Sau đó anh H, chị T có nhã ý mời anh D hợp tác mở siêu thị M2 tại thị trấn M, huyện T và anh D đồng ý.

Trong khoảng thời gian từ 2017 đến 2020, vợ chồng anh H, chị T tiếp tục cần vốn kinh doanh và kêu gọi anh D hợp tác với Cửa hàng mua bán thức ăn tại huyện T. Quá trình hợp tác làm ăn, anh D có cho vợ chồng anh H, chị T vay, mượn nhiều lần với tổng số tiền 15.200.000.000 đồng (Mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Việc giao nhận tiền đều được chị T ký tên và ghi vào sổ của anh D. Sau đó, vợ chồng anh H, chị T trả đủ lãi cho anh D.

Đến năm 2021, anh D ra kinh doanh riêng, làm chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng T5; địa chỉ số A - 154, Phạm Ngọc T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, tuy nhiên vẫn còn làm ăn qua lại với vợ chồng anh H, chị T trong nhiều năm tiếp theo.

Đến năm 2022, anh D có nhu cầu lấy lại vốn, thì anh H, chị T nói do làm ăn khó khăn và bị rất nhiều khách hàng nợ nên có ngõ ý sẽ chuyển giao lại tất cả các khách hàng nợ tiền mua thức ăn của anh H cho anh D, tương đương số tiền vốn mà D cho anh H, chị T vay mượn như trên và được anh D đồng ý. Do đó, anh H, chị T đã làm các "Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu nợ" vào các ngày 01/10/2022 và ngày 28/02/2023 để anh D được toàn quyền khởi kiện thu hồi nợ khách hàng để trả tiền vốn cho anh D. Khi đó, anh H, chị T yêu cầu anh D trả lại cuốn sổ mà anh H, chị T đã ký nhận tiền vay mượn của anh D nên anh D đã giao lại quyền sổ trên cho anh H, chị T.

Đến ngày 01/3/2023, để có chứng từ chứng minh việc vay mượn tiền, anh D có yêu cầu vợ chồng anh H, chị T xác nhận lại số tiền nợ của anh D bằng cách anh Võ Văn H chuyển khoản xác nhận nợ của anh D qua tài khoản của anh D số 108816688881 với số tiền nợ 15.200.000.000 đồng, chuyển nhiều lần cho anh D và anh D tiếp tục chuyển lại cho chị Đỗ Thị Mộng T vay mượn lại ngay, thông qua chuyển khoản vào số tài khoản 108000791585 của chị T để lấy chứng từ xác nhận nợ đủ số tiền 15.200.000.000 đồng. Sau đó, anh D tin tưởng chứng từ chuyển khoản nên đã giao lại cuốn sổ mà chị T đã ký nhận nợ 15.200.000.000 đồng của anh D, cụ thể các lần chuyển tiền cho mượn lại như sau:

- Ngày 01/3/2023, anh D chuyển khoản cho chị T 1.800.000.000 đồng;

- Ngày 28/4/2023, anh D chuyển khoản cho chị T 02 lần với số tiền 7.000.000.000 đồng;

- Ngày 15/5/2023, chị T yêu cầu anh D chuyển khoản cho ông Huỳnh Văn C số tiền 4.400.000.000 đồng;

- Ngày 08/9/2023, anh D chuyển khoản cho chị T 05 lần với số tiền 2.000.000.000 đồng;

Quá trình nhận chuyển giao nợ, anh D đã khởi kiện tất cả những người đã nợ tiền mua thức ăn của vợ chồng anh H, chị T để thu hồi dần số tiền vốn 15.200.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết các vụ án thu hồi nợ tại huyện T thì anh H có ý kiến tại Tòa án như sau: "*Các khoản nợ mà khách hàng nợ ông sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho anh Huỳnh Tuấn D. Anh D được toàn quyền quyết định đối với các khoản nợ này".* Đối với việc chuyển giao này thì anh H đã thông báo bằng miệng cho khách hàng. Đồng thời, anh H cam kết sẽ không tranh chấp các khoản nợ này về sau.

Và tại các Biên bản hòa giải tại Tòa, vợ chồng ông Nguyễn Chí T4, bà Hồ Thị L đã được anh H điện thoại thông báo là đã chuyển giao nợ cho anh D được toàn quyền quyết định đối với khoản nợ 2.041.503.000 đồng nên đã đồng ý ký vào Biên bản hòa giải thành và được Tòa án huyện T ra quyết định 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 05/02/2024. Quyết định thể hiện: Ông T4, bà L đồng ý trả cho ông Huỳnh Tuấn D (Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng T5, địa chỉ 153-154, Phạm Ngọc T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An), số tiền 2.041.503.000 đồng.

Do đó, anh D đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn H.

*Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị Mộng T trình bày:*

Việc anh D cho rằng có hợp tác làm ăn kinh doanh siêu thị với vợ chồng chị và vợ chồng chị vay mượn tiền của anh D là không có. Anh D1 là người làm công cho anh H, chị T tại Cửa hàng T5, địa chỉ tại T. Sau đó, anh chị giao cho D1 quản lý Cửa hàng tại T, Long An.

Việc anh D1 chuyển tiền qua tài khoản của chị T là do anh Võ Văn H vay tiền Ngân hàng rồi chuyển qua tài khoản của anh D1, anh D1 chuyển trả lại tiền vào tài khoản của chị. Việc anh H ký giấy chuyển giao quyền khởi kiện cho anh D1 thì chị không biết. Chị T thống nhất, đồng ý anh H khởi kiện đòi lại tiền đối với các Quyết định, bản án đã tuyên cho anh D1 được nhận tiền.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T:*

Tại Văn bản ngày 25/10/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trình bày: Sẽ căn cứ theo quyết định, bản án của Tòa án để giải quyết số tiền đang tranh chấp giữa anh H và anh D1 theo quy định. Đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp hòa giải, xét xử vụ án tranh chấp giữa anh Võ Văn H và anh Huỳnh Tuấn D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 282/2024/DS-ST ngày 25-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 0), tỉnh Đồng Tháp, đã tuyên xử:

"[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn H, là đại diện Hộ kinh doanh cửa hàng T5.

[2] Anh Huỳnh Tuấn D được nhận số tiền 2.041.503.000 đồng theo Quyết định số 25/2024/QĐHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T và theo Quyết định thi hành án số 1525/QĐ-CCTHADS ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và có nghĩa vụ giao lại ngay cho anh Võ Văn H nhận số tiền 2.041.503.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm linh ba nghìn đồng). Trường hợp anh Huỳnh Tuấn D không đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T làm thủ tục nhận tiền, thì anh Võ Văn H có quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T làm thủ tục nhận số tiền 2.041.503.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm linh ba nghìn đồng) theo quy định.

[3] Duy trì Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 366/2024/QĐ-BPKCTT ngày 16/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Anh Huỳnh Tuấn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả anh Võ Văn H 36.145.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011286 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/01/2025, bị đơn anh Huỳnh Tuấn D kháng cáo. Anh Huỳnh Tuấn D yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm số: 282/2024/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn H đối với anh Huỳnh Tuấn D.

**Tại phiên tòa phúc thẩm**:

Anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh D giao nộp thêm nhiều văn bản, tài liệu:

- Tờ tường trình ngày 20/6/2025;

- Văn bản đoạn thoại ghi âm đề ngày 17/6/2025;

- Tờ tường trình, cung cấp chứng cứ ngày 20/6/2025;

- Bảng tổng hợp giao dịch chuyển khoản qua lại giữa anh H, anh D, chị T đối với số tiền 15.200.000.000 đồng;

- 06 Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của Tòa án huyện Tân Hưng và Tòa án huyện M, tỉnh Long An, trong đó thể hiện người khởi kiện, nguyên đơn là ông Huỳnh Tuấn D;

- Tờ tự khai của anh Võ Văn H ngày 04/4/2024 thể hiện nội dung: “Việc thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ cho anh D là hoàn toàn tự nguyện....”

- Đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt của anh H ngày 04/4/2024;

- Ảnh chụp màn hình nội dung tin nhắn, trao đổi giữa anh H, chị T với anh D (là các văn bản tố tụng của Tòa án);

- Các giấy nộp tiền của anh D chuyển trả tiền cho cá nhân và Công ty;

- Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ngày 01/10/2022 (bản chính) ngày 28/02/2023 (bản chính); Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ngày 07/9/2023 (bản scan);

- Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần C1 thể hiện tên người mua hàng là Huỳnh Tuấn D;

- Công văn 76/CV-CCTHADS ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Thông báo số A32/TB-VPCQCSĐT ngày 17/4/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, về kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm đối với Huỳnh Tuấn D.

*Anh Võ Văn H, chị Đỗ Thị Mộng T cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ*:

- Vi bằng 409/2024/VB-TPL ngày 28/8/2024 và Vi bằng 410/2024/VB-TPL ngày 28/8/2024 của Văn phòng T7 (kèm đĩa CD) ghi nhận lại nội dung đoạn ghi âm, tin nhắn thoại và một số hình ảnh trên Zalo trong điện thoại của anh H, thể hiện các cuộc trao đổi với anh D;

- Bảng theo dõi từ máy tính thể hiện có việc trả lương cho anh D;

- Sổ ghi chú thể hiện chữ viết của anh D;

- Ảnh chụp tin nhắn của anh D từ điện thoại của chị T;

-Các hợp đồng ủy quyền giữa Võ Văn H và Huỳnh Tuấn D về việc tham gia tố tụng tại Tòa án;

- Hợp đồng tín dụng giữa anh H và Ngân hàng;

- Tài liệu do Công ty C1 cung cấp thể hiện chị Đỗ Thị Mộng T là chủ "Giải pháp phần mềm quản lý bán hàng" ;

- Các Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án;

- Các Quyết đình đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án;

- Các Quyết định ủy quyền (60 quyết định) của Huỳnh Tuấn D cho chị Đỗ Thị Mộng T để nhận tiền tại thi hành án;

- Các giấy nhận nợ của khách hàng (đối chiếu bản chính);

- Các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Các Sổ phụ tài khoản tiền gửi của Huỳnh Văn C;

- Đơn đề nghị xem xét vụ án dân sự có dấu hiệu hình sự;

- Đơn yêu cầu về việc chuyển hồ sơ xử lý hình sự;

- Tờ giải trình vụ án, ngày 10/9/2025;

- Đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng;

- Giấy chứng nhận QSD đất của anh Võ Văn H tại T, Long An.

- Thông báo số 33/TB-TA ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đồng Tháp về chuyển đơn tố cáo của anh Võ Văn H đối với Huỳnh Tuấn D.

Ngoài ra, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án có Công văn đề nghị Công an tỉnh T (sau khi tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh sáp nhập), cung cấp tài liệu, chứng cứ là các Biên bản làm việc của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện T, tỉnh Long An (cũ) đối với anh Huỳnh Tuấn D. Tòa án đã nhận được các tài liệu theo yêu cầu trên do Công an xã H (huyện T, tỉnh Long An (cũ) cung cấp.

Tất cả tài liệu, chứng cứ trên được công khai tại phiên tòa.

Ngoài ra, Tòa án có triệu tập và hỏi những người làm chứng (cho nguyên đơn) tại phiên tòa phúc thẩm gồm: Ông Trần Văn V, ông Lê Văn P, anh Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn C, chị Lương Thị Diễm M1, chị Võ Thị Thúy A, anh Lê Văn Chế L1, chị Võ Thị Bích .

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh D trình bày*:

Anh Huỳnh Tuấn D là người có điều kiện kinh tế: Cha anh D nguyên là Công an, mẹ anh D kinh doanh bất động sản. Anh D1 là Chủ Cửa hàng kinh doanh thức ăn tại T và M - Long An. Do đó, có căn cứ chứng minh anh D1 có điều kiện kinh tế, có điều kiện tài chính để hùn vốn kinh doanh với anh H, chị T.

Trong thời gian hợp tác, anh D1 có hỗ trợ anh H trong việc thu hồi nợ của khách hàng (bằng các hợp đồng ủy quyền của anh H cho anh D1). Sau đó, do anh D1 có nhu cầu lấy lại vốn đã hùn, anh H uỷ quyền cho anh D1 thu hồi nợ bằng Tờ thỏa thuận chuyển giao thu hồi nợ ngày 01/10/2022 và 28/02/2023. Quá trình anh D1 truy đòi nợ của khách hàng theo danh sách khách hàng anh D1 cung cấp, Tòa án có hỏi ý kiến của anh H và anh H thống nhất việc chuyển giao thu hồi nợ là tự nguyện.

Về chứng cứ anh D1 hùn vốn với anh H, chị T và cho anh H chị T vay có ghi sổ sách nhưng chị T không cung cấp. Sau đó, hai bên xác lập nghĩa vụ nợ bằng cách anh H chuyển tiền qua tài khoản của anh D1, anh D1 chuyển tiền lại qua tài khoản cho chị T.

Việc anh H tố cáo anh D1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ, cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An có thông báo không khởi tố vụ án.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

*Chị Đỗ Thị Mộng T, đại diện nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:

Anh D1 chỉ là người làm công cho anh H, chị T. Không có việc anh D1 hùn vốn và cho anh H, chị T vay số tiền 15.200.000.000 đồng. Yêu cầu anh D1 chứng minh nguồn tiền cho vay và chứng cứ, biên nhận chứng minh việc cho vay tiền.

Nếu có chứng cứ chứng minh thì anh D1 có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác. Còn số tiền tranh chấp trong vụ kiện này là của tiền khách hàng nợ anh H, anh H chỉ ủy quyền cho anh D1 khởi kiện. Do đó, anh H yêu cầu được nhận số tiền 2.041.503.000 đồng do anh T4, chị L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T chỉ kiến nghị Tòa án xem xét: Trong trường hợp Tòa án xét thấy có dấu hiệu hình sự trong vụ án này thì chuyển hồ cho cơ quan cảnh sát điều tra xử lý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Tuấn D, xác định số tiền 2.041.503.000 đồng do anh T4, chị L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T là tiền anh H chuyển giao quyền cho anh D để thu hồi nợ, trong số tổng số tiền anh H nợ D là 15.200.000.000 đồng (hùn vốn, vay). Xét thấy, anh D không có chứng cứ chứng minh anh H, chị T nợ anh D số tiền 15.200.000.000 đồng. Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ngày 01/10/2022, ngày 28/02/2023 do anh D cung cấp không thể hiện nội dung thu hồi nợ để trừ vào khoản nợ 15.200.000.000 đồng. Biên bản lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An (cũ) anh D có thừa nhận anh D là người làm công cho anh H, chị T, anh D không có chứng cứ chứng minh phần mềm quản lý bán hàng do anh D là chủ. Ngoài ra, các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày của anh D không đủ căn cứ chứng minh số tiền 2.041.503.000 đồng là của anh D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Tuấn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với đề nghị của anh H, chị T về việc chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tỉnh là không cần thiết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Tuấn D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Võ Văn H xác định số tiền 2.041.503.000 đồng do ông Nguyễn Chí T4, bà Hồ Thị L nộp tại Chi cục Thi hành án theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 1525/QĐ-CCTHADS ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T là của anh H do ông T4, bà L nợ tiền mua thức ăn thủy sản của anh H. Anh H chỉ ủy quyền cho anh D khởi kiện thu hồi nợ. Anh D yêu cầu nhận tiền mà không trả cho anh H là không đúng nên anh H yêu cầu được nhận số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh

chấp dân sự về đòi lại tài sản là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng tranh chấp là số tiền nợ được xác lập trên quan hệ mua bán. Theo đó, người bán (anh H- Cửa hàng T5), người mua (ông T4, bà L) và nơi giao dịch hợp đồng mua bán tại địa bàn huyện T. Hiện số tiền trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0) đang quản lý. Do đó, căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 0) tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Huỳnh Tuấn D xác định khách hàng ông Nguyễn Chí T4, bà Hồ Thị L mua thức ăn thủy sản của anh H, chị T tại Cửa hàng T5; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp. Ông T4, bà L thiếu nợ anh H, không thiếu nợ anh D. Lời khai này của anh D phù hợp lời khai của ông T4, bà L trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện T (bút lục 249 trong hồ sơ vụ án). Đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[2.2] Nguyên nhân anh D đứng đơn khởi kiện ông T4, bà L là căn cứ Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ghi ngày 28/02/2023 giữa anh H và anh D. Anh D1 cho rằng: Nguyên nhân việc chuyển giao thu hồi nợ là để cấn trừ số nợ 15.200.000.000 đồng anh H, chị T thiếu nợ anh D1, do anh D1 có hùn vốn làm ăn với anh H, chị T nhưng khi có yêu cầu rút vốn thì anh H, chị T không có tiền trả. Do đó, anh H chuyển giao quyền thu hồi nợ của nhiều khách hàng nợ tiền anh H để anh D1 khởi kiện và thu hồi dần số tiền 15.200.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D1 xác định, đến thời điểm hiện tại chỉ thu hồi được khoảng 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, và anh D1 đã ngưng việc khởi kiện.

Nguyên đơn, anh H (ủy quyền cho chị T) trình bày: Do tin tưởng anh D1, xem anh D1 như em ruột nên để cho anh D1 quản lý Cửa hàng bán thức ăn thủy sản tại T, Long An, ủy quyền cho anh D1 tham gia tố tụng tại Tòa án để thu hồi nợ. Mặt khác, do trình độ hiểu biết pháp luật kém, do đó, khi anh D1 yêu cầu anh H ký vào Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ, anh H ký, không đọc kỹ nội dung, chỉ biết là để thuận tiện cho việc khởi kiện. Ngoài ra, anh H xác định là khi ký văn bản trên chưa ghi ngày, tháng, năm. Lời trình bày này phù hợp tài liệu, chứng cứ anh D1 cung cấp: Có 03 Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ghi ngày khác nhau: 01/10/2022; 28/02/2023; 07/9/2023.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn anh D1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3.1] Về nội dung: Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ngày 28/02/2023, không thể hiện nội dung anh H, chị T nợ anh D1 số tiền 15.200.000.000 đồng và anh D1 được nhận số tiền của ông T4, bà L nợ anh H để trừ vào khoản nợ (nào) của anh H, chị T nợ anh D1. Tại cấp sơ thẩm và phúc

thẩm, bị đơn anh D1 xác định việc thỏa thuận thu hồi nợ để cấn trừ nợ chỉ là "thỏa thuận miệng".

[2.3.2] Mặt khác, anh D1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc hùn vốn làm ăn với anh H, chị T, chứng cứ cho anh H, chị T vay tiền. Lời khai, trình bày của anh D1 không thống nhất, có mâu thuẫn: Văn bản trình bày ý kiến ngày 25/10/2024 (bút lục 46-47) anh D1 cho rằng: "Vợ chồng ông Võ Văn H, bà Đỗ Thị Mộng T vay mượn nhiều lần với tổng số tiền là 15.200.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng." Trong đơn kháng cáo (bút lục 372) anh D1 trình bày là tiền hùn vốn, tờ tường trình gửi Tòa án cấp phúc thẩm, Biên bản ghi lời của anh D1 trong hồ sơ (tại bút lục 54-55) xác định là tiền hùn vốn,...Tuy nhiên, anh D1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cho vay hay hùn vốn.

[2.3.3] Chứng cứ anh D1 chuyển khoản qua Ngân hàng từ tài khoản anh D1 vào tài khoản chị T, anh Huỳnh Văn C trong năm 2023, tổng số tiền 15.200.000.000 đồng, không đủ căn cứ chứng minh anh H, chị T nợ tiền của anh D1 hoặc anh D1 hùn vốn làm ăn với anh H, chị T.

[2.3.4] Ngoài ra, anh D1 trình bày năm 2022 anh D1 cần thu hồi vốn, cho rằng anh H, chị T không có tiền trả, phải thỏa thuận chuyển giao cho D1 đi khởi kiện để thu hồi nợ dần từ những người khách hàng còn nợ, đến khi nào đủ 15.200.000.000 đồng thì ngưng. Nhưng khi anh H có tiền chuyển vào tài khoản của anh D1, anh D1 lại chuyển ngay lại cho chị T, anh C (theo yêu cầu của chị T, anh H) để "lấy chứng từ xác nhận nợ" của anh H, chị T, là không có căn cứ thuyết phục. Mặt khác, tại phiên tòa, anh D1 xác định trong số nợ 15.200.000.000 đồng anh H, chị T nợ, đến nay, anh D1 chỉ thu hồi được khoảng 300.000.000 đồng - 400.000.000 đồng và đã ngưng việc khởi kiện.

[2.3.5] Chị T trình bày đang khởi kiện anh D1 nhiều vụ kiện khác tại Tòa án Khu vực 10 đối với các Quyết định do anh D1 đứng tên người khởi kiện (thông qua Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ).

[2.3.6] Anh D1 cũng xác định tại cấp sơ thẩm anh D1 chưa có đơn phản tố về việc tranh chấp tiền vay, tiền hùn vốn, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu phản tố của anh D1, anh D1 cũng không có chứng cứ chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm không nhận đơn và không thụ lý yêu cầu phản tố của anh.

[2.4] Căn cứ Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện T xác định tư cách đương sự Huỳnh Tuấn D –Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng T5, địa chỉ 153-154, Phạm Ngọc T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, trong khi Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng T5, là anh Võ Văn H, địa chỉ Cửa hàng tại: Khóm B, thị trấn M, huyện T, là chưa đúng tư cách đương sự. Theo sự thừa nhận của bị đơn thì đây là số tiền ông T4, bà L nợ anh H, không phải nợ của D. Tuy nhiên, hiện tại Quyết định này đang có hiệu lực pháp luật, không ai thắc mắc khiếu nại. Nhưng qua phân tích trên, thực tế số tiền 2.041.503.000 đồng là tiền của ông T4, bà L nợ của anh H.

[2.5] Từ những căn cứ, phân tích trên, xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 282/2024/DS-ST ngày 25-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ. Anh D kháng cáo, cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ, trình bày nhưng không đủ căn cứ chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho khoa học, dễ hiểu, dễ thi hành.

[3] Đối với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn nộp tại phiên tòa, tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H, chị T cho rằng anh D không trung thực, có hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản của anh Hiền từ việc đổi tên Cửa hàng kinh doanh tại T, Long An, việc anh D sử dụng phần mềm quản lý bán hàng do chị T làm chủ, và nhiều hành vi khác với ý đồ chiếm đoạt tài sản của anh H, chị T. Lời khai của những người làm chứng cho rằng D có hành vi lừa dối chiếm đoạt tài sản của anh H, chị T. Anh D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh D là người có điều kiện kinh tế, là chủ Cửa hàng kinh doanh độc lập, người hùn vốn với chị T, anh H, không phải là người làm công ăn lương, không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như tố cáo của anh H, chị T. Xét thấy, những tài liệu, chứng cứ này còn liên quan đến nhiều vụ việc khác. Việc chứng minh hành vi vi phạm pháp luật về hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan cảnh sát điều tra, nếu đương sự có yêu cầu. Riêng trong vụ việc này, Tòa án xét thấy, không cần thiết chuyển vụ án sang cơ quan cảnh sát điều tra như đề nghị của anh H, chị T.

[4] Đối với việc anh D cho rằng anh H, chị T còn nợ anh D số tiền hùn vốn, tiền vay là 15.200.000.000 đồng, nếu có tranh chấp, anh D có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét trình bày và đề nghị của Luật sư là chưa có căn cứ, không phù hợp quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 91, 92, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Tuấn D.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 282/2024/DS-ST ngày 25-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 0), tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 105, 166 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn H, là đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T5.

2. Anh Võ Văn H được nhận số tiền 2.041.503.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm lẻ ba đồng) theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 25/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 1525/QĐ-CCTHADS ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0). Số tiền trên, hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 quản lý.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 366/2024/QĐ-BPKCTT ngày 16/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 0), tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Tuấn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Võ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.145.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011286 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Huỳnh Tuấn D chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng anh D đã nộp ngày 07/01/2025 theo biên lai số 0001074 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 0) được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 0;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, TT &THA Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Kiều Kim Xuân**